

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch năm 2018 về thực hiện Chương trình hành động
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp
giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-UBND ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh về ban hành kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Chương trình số 10/CTr-UBND ngày 09/01/2018 của UBND tỉnh về Chương trình công tác năm 2018;

Xét Tờ trình số 59/TTr-SNN&PTNT ngày 29/3/2018 của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này là Kế hoạch năm 2018 thực hiện Chương trình hành động số 08-CTr/TU ngày 11 tháng 11 năm 2016 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng đến năm 2025.

Điều 2. Căn cứ vào nội dung kế hoạch; các sở, ban, ngành có liên quan chịu trách nhiệm triển khai nội dung Kế hoạch và định kỳ hàng quý (ngày 15 của tháng cuối mỗi quý) báo cáo kết quả thực hiện về UBND tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn). Đồng thời, rà soát nội dung Kế hoạch và đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Công Thương, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Sở Tài chính; các thành viên Ban Chỉ đạo, Tiểu Ban, Tổ Giúp việc và Tổ Điều phối thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020; lãnh đạo các sở, ban, ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.TU, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Như điều 4;
- LĐVP UBND tỉnh;
- Phòng: KTN, KTTH, TH, HCTC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Lâm Quang Thi

KẾ HOẠCH NĂM 2018

**Thực hiện Chương trình hành động số 08-CTr/TU, ngày 11/11/2016
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh An Giang về phát triển nông
nghiệp giai đoạn 2016 – 2020, định hướng đến năm 2025**

*(Đính kèm Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 11/4/2017 của UBND
tỉnh)*

1. Mục tiêu chung:

Phát triển nông nghiệp theo hướng hiện đại, bền vững, tăng trưởng hợp lý, sản xuất hàng hóa lớn trên cơ sở tái cơ cấu ngành, sản phẩm gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng theo chiều sâu, nâng cao hàm lượng chất xám và sức cạnh tranh của sản phẩm nông nghiệp cùng với việc nâng cao giá trị canh tác và thu nhập của nông dân.

- Về chuyên dịch cơ cấu cây trồng: Tiếp tục chuyển dịch cơ cấu cây trồng vật nuôi theo hướng giảm diện tích trồng lúa kém hiệu quả, tăng diện tích màu, cây ăn trái, phát triển chăn nuôi theo quy mô trang trại.

- Về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao: Phát triển sản xuất theo hướng nông nghiệp hữu cơ, chú trọng tạo ra các giống cây trồng vật nuôi là thế mạnh của địa phương. Đồng thời, hợp tác với các tỉnh, thành đưa các sản phẩm xanh, sạch mà tỉnh có thế mạnh sản xuất để tiếp cận thị trường, quảng bá hình ảnh, xây dựng thương hiệu kết hợp phát triển du lịch.

- Thực hiện tái cơ cấu ngành gắn với xây dựng nông thôn mới, nâng cao thu nhập và đời sống của dân cư nông thôn, chủ động phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

- Về tiêu thụ sản phẩm: Từng bước hình thành các đầu mối tiêu thụ sản phẩm trực tiếp, hạn chế các khâu trung gian tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học, chăn nuôi hữu cơ tạo ra sản phẩm an toàn có giá trị kinh tế cao đáp ứng thị trường trong nước và thế giới. Đẩy mạnh phát triển xuất khẩu hàng hóa trên địa bàn tỉnh theo hướng đa dạng hóa thị trường, chú trọng các mặt hàng chủ lực và tiềm năng, bên cạnh giữ vững thị trường truyền thống. Hỗ trợ doanh nghiệp triển khai các dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ theo hướng chuỗi giá trị nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm và tăng giá trị xuất khẩu các mặt hàng chủ lực của tỉnh.

- Kinh tế hợp tác: Tiếp tục thực hiện và nhân rộng các mô hình sản xuất theo chuỗi giá trị, nhân rộng mô hình “Cánh đồng lớn”, gắn với thực hiện các

mô hình kinh tế hợp tác của HTX kiểu mới, liên kết từ cung ứng đầu vào và tiêu thụ sản phẩm đầu ra trong sản xuất và cung cấp các dịch vụ khác.

2. Các mục tiêu - chỉ tiêu cụ thể năm 2018:

TT	Nội dung các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	Ghi chú
I	<i>Nhóm các chỉ tiêu chung về tăng trưởng</i>			
	Tốc độ tăng trưởng bình quân KV I	%	2 - 2,25%	Giá SS 2010
	Giá trị SX trồng trọt và nuôi trồng thủy sản trên 01 ha đất.	Triệu đồng	183	Tăng 10 triệu so 2017
II	<i>Các chỉ tiêu theo Tiêu ban</i>			
2.1.	<i>Tiêu ban về thị trường – xúc tiến thương mại:</i>			
	Tổng kim ngạch xuất khẩu	Triệu USD	840	Tăng 20 triệu USD so 2017
2.2.	<i>Tiêu ban thu hút đầu tư</i>			
	Thí điểm tạo quỹ đất cho thu hút đầu tư	ha	1.000	
	Thu hút dự án đầu tư	Dự án	03	
2.3	<i>Tiêu ban Khoa học công nghệ và nguồn nhân lực</i>			
	Đào tạo và thu hút nguồn nhân lực khoa học công nghệ;	Thạc sĩ, tiến sĩ	Ít nhất 50	
	Chọn tạo được các giống cây trồng, vật nuôi, giống thủy sản, giống cây trồng lai bằng kỹ thuật di truyền và công nghệ sinh học.	Giống	Ít nhất 04 dòng/giống mới, cây đầu dòng	
	Hoàn thiện quy trình sản xuất theo hướng công nghệ cao mới, hiệu quả và có triển vọng phát triển tốt.	Quy trình	Tối thiểu 03 quy trình	
	Diện tích đất canh tác nông nghiệp (nông - lâm - thủy sản) tối thiểu của tỉnh được sản xuất theo hướng ứng dụng công nghệ cao	%/DT canh tác	Tối thiểu 10%	
2.4	<i>Tiêu ban Tổ chức lại sản xuất</i>			
-	Tỷ lệ diện tích gieo trồng lúa, nếp có liên kết theo tiêu chí	ha	56.000	Tăng 7.000 ha so 2017 (năm 2017: 49.146 ha)

TT	Nội dung các chỉ tiêu	ĐVT	KH 2018	Ghi chú
	cánh đồng lớn, trong đó:			
-	Chuyển dịch cơ cấu cây trồng từ đất lúa sang rau, màu và cây ăn trái.	ha	6.687	
-	Hộ chăn nuôi nhỏ lẻ chuyển sang công nghiệp – bán công nghiệp (doanh nghiệp), trang trại, giai trại, trong đó:	hộ	950	
-	Diện tích thủy sản	ha	2.845	

3. Các nhiệm vụ phân công thực hiện kế hoạch năm 2018:

Xem phụ lục đính kèm bảng phân công nhiệm vụ Kế hoạch năm 2018 thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016 - 2020.

4. Tổ chức thực hiện

- Căn cứ các đầu việc được giao như trên các sở, ban, ngành liên quan có trách nhiệm cụ thể hóa thành kế hoạch chi tiết của đơn vị để triển khai thực hiện. Trong đó, đối với các nội dung công việc mà chưa có nguồn kinh phí thì xây dựng dự toán hoặc xác định nhu cầu gửi Sở Tài chính thẩm định và tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí triển khai thực hiện theo quy định để đảm bảo hoàn thành nội dung theo thời gian được giao.

- Chế độ thông tin, báo cáo: Các sở, ban, ngành được giao nhiệm vụ chủ trì có trách nhiệm báo cáo UBND tỉnh về tiến độ thực hiện công việc được giao (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, địa chỉ email: sonnptnt@angiang.gov.vn). Thời gian báo cáo theo định kỳ hàng quý vào ngày 15 của tháng cuối mỗi quý và báo cáo năm vào ngày 15 tháng 12 hàng năm./.

BẢNG PHÂN CÔNG NHIỆM VỤ

Kế hoạch năm 2018 thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016-2020

(Kèm theo Quyết định số 810/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2018 của UBND tỉnh)

TT	Nhiệm vụ	Nội dung cụ thể	Thời gian (Phê duyệt/ Triển khai)	Hình thức VB/cấp phê duyệt	Cơ quan chủ trị	Cơ quan phối hợp
I	Các hoạt động thường xuyên về quản lý điều hành chung:					
1.1	Tổ chức triển khai thực hiện chung Kế hoạch của UBND thực hiện Chương trình hành động (kinh phí từ nguồn sự nghiệp nông nghiệp được cấp hàng năm)	<p>Các hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tiểu Ban, Tổ Giúp việc và Tổ Điều phối thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020 (theo QĐ số 3661/QĐ-UBND, ngày 27/12/2016), công tác tổ chức triển khai Chương trình, Kế hoạch, các Hội nghị, Hội thảo, hội thảo chuyên đề, tọa đàm, khảo sát, kiểm tra, giám sát, đánh giá, khen thưởng, tham dự các Hội nghị, Hội thảo, tổ chức sơ, tổng kết...</p> <p>Tổ chức các chuyên học tập kinh nghiệm trong và ngoài nước các cách làm hay, dột phá, các mô hình sản xuất tốt (trường hợp học tập kinh nghiệm nước ngoài thì đề xuất cụ thể với UBND tỉnh xem xét).</p>	2018	Sở NN&PTNT	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị, tp, doanh nghiệp, nhà khoa học	
II	Thực hiện nhiệm vụ về thị trường và xúc tiến thương mại; thu hút đầu tư; Khoa học công nghệ và nguồn nhân lực; Tổ chức lại sản xuất; Nguồn vốn thực hiện					
2.1	Về thị trường và xúc tiến thương mại:					
2.1.1	Tiếp tục triển khai kế hoạch xuất khẩu hàng hóa	Tiếp tục triển khai Kế hoạch thực hiện các giải pháp đẩy mạnh xuất khẩu và Chiến lược xuất nhập khẩu hàng hóa tỉnh An Giang năm 2018	2018	Sở Công Thương	Sở NN&PTNT; KH&ĐT; NgV; TC; KH&CN; NHNN	

2.1.2	Mở rộng thị trường nước ngoài và trong nước	<ul style="list-style-type: none"> - Đè xuất các nội dung, kế hoạch nhằm mở rộng thị trường nước ngoài có kết hợp từ Bộ Công thương, Bộ Ngoại giao... - Triển khai các hoạt động nhằm liên kết các tinh DBSCL để doanh nghiệp trao đổi giao thương, xúc tiến mời gọi đầu tư, liên kết, tiêu thụ sản phẩm - Triển khai KH mở rộng thị trường tiêu thụ trong nước thông qua ký kết hợp tác thương mại với các tinh, thành phố lớn 	2018	VB/UBND	Sở Công Thương	Hiệp hội doanh nghiệp; Các Sở NN&PTNT; KH&ĐT; Ngoại vụ; Công thương;
2.1.3	Xúc tiến thương mại, tìm kiếm thị trường.	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng kế hoạch nhằm nhằm tạo điều kiện cho người dân, các hiệp hội, hội nghề nghiệp, nhất là các doanh nghiệp khởi nghiệp chủ động tiếp cận, xúc tiến, tìm kiếm thị trường. 		KH/ UBND		
2.1.4	Phát triển công nghiệp phụ trợ	Xây dựng và triển khai Đề án nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển ngành cơ khí, cơ khí hỗ trợ phục vụ phát triển nông nghiệp tinh An Giang (theo Công văn số 5410/VPUBND-KTN, ngày 01/12/2017 của UBND tinh)	2018	QĐ, KH/ UBND	Sở Công Thương	Sở TC, NN&PTNT, KHCN, KH&ĐT; doanh nghiệp, UBND các huyện, thị, tp, HTX
2.1.5	Xây dựng Thương hiệu gạo	Xây dựng Đề án thương hiệu gạo	Quý IV/2018	QĐ, KH/UBND	Sở Công Thương	

2.2.	Về Thu hút đầu tư						
2.2.1	Tạo lập quỹ đất, chính sách ưu đãi nhằm thu hút nhà đầu tư	Triển khai Thực hiện Đề án số 338/ĐA-UBND, ngày 07/6/2017 của UBND tỉnh về việc tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội tỉnh An Giang đến năm 2020; Và Kế hoạch số 510 /KH-UBND ngày 11 tháng 9 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tạo quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2017-2018	2018		Sở TN&MT	Sở NN&PTNT; KH&ĐT; TC, huyện, thị, tp; doanh nghiệp	
		Xây dựng và triển khai Đề án thí điểm tạo quỹ đất thu hút đầu tư lĩnh vực nông nghiệp CNC tại địa bàn huyện Châu Phú cho 03 doanh nghiệp: CTy Cp Betong 620 châu Thới, Cty Cp Nam Việt, Cty TNHH Phát triển Lộc Kim Chi.	Quý II/2018				
2.2.2	Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ đầu tư của Trung ương, của tỉnh, phát huy lợi thế liên kết vùng kinh tế trọng điểm	Triển khai Quyết định 98/2016/QĐ-UBND ngày 22/12/2016 của UBND tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ đầu tư phát triển nông nghiệp trên địa bàn tỉnh.	2018-2020	QĐ 98/2016/QĐ-UBND	Sở KH&ĐT	Sở NN&PTNT; KH&CN; CT; TC; hiệp hội doanh nghiệp; HTX; Liên Minh HTX; các huyện, thị, tp	
		Triển khai Nghị định 55/2015/NĐ-CP, ngày 09/6/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn	2018-2020	VB/NHNN	Ngân hàng Nhà nước chi nhánh tỉnh An Giang		
		Triển khai gói hỗ trợ cho vay theo Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về chương trình cho vay khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch theo Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 07/3/2017 của Chính phủ	2018-2020	VB/NHNN			
		Rà soát, hiệu chỉnh, bổ sung cơ chế thông thoáng cấp giấy chứng nhận đầu tư cho doanh nghiệp	2018-2020	VB/UBND	Sở KH&ĐT		

2.2.3	Ngân sách để ưu tiên bố trí triển khai chương trình phát triển nông nghiệp	Tham mưu UBND tỉnh sử dụng nguồn vốn ODA, nguồn vốn đầu tư và nguồn vốn tăng thêm khác (như nguồn vốn từ xô số kiến thiết...), trọng tâm là cho thu hút đầu tư trong nông nghiệp UD CNC, thực hiện TCC NN và chuyên dịch cơ cấu cây trồng.	Hàng năm	QĐ/UBND hoặc NQ/HĐND	Sở KH&ĐT	Sở Tài chính; NN&PTNT, Cty XSKT tinh AG; các huyện, thị, tp
2.3	Về Khoa học công nghệ và Nguồn nhân lực					
2.3.1	Khuyến khích đầu tư KHCN; phát triển và ứng dụng KHCN vào sản xuất	Tiếp tục thực hiện xã hội hóa nguồn lực đầu tư cho KHCN có sự tham gia và đặt hàng từ doanh nghiệp	2018	VB/UBND	Sở KH&CN	Sở NN&PTNT; KH&ĐT; CT; TC; Nội vụ; Hiệp hội DN;
		Tiếp tục triển khai các chính sách hỗ trợ việc xác lập quyền sở hữu trí tuệ, quyền tác giả... đối với các sản phẩm nghiên cứu thành công để tạo điều kiện khuyến khích đầu tư từ các tổ chức và cá nhân, tham gia.				
		Đề xuất hình thức khen thưởng, thu hút doanh nghiệp tham gia phát triển thương hiệu cho sản phẩm của từng vùng 2018.				
		Xây dựng chủ trương đầu tư Chương trình hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp giai đoạn 2018 - 2020 thực hiện NQ 09-NQ/TU ngày 27/6/2012 của Tỉnh ủy.	Quý III/2018	QĐ/UBND	Sở NN&PTNT	Sở KH&ĐT, TC và các Sở, ngành liên quan
2.3.2	Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất	Tiếp tục nghiên cứu kết hợp công nghệ tiên tiến và công nghệ truyền thống để chế biến, bảo quản một số đặc sản truyền thống ở qui mô công nghiệp, bảo đảm chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và truy xuất được nguồn gốc.	2018-2020	VB/UBND	Sở KH&CN	Các Sở, ngành liên quan
		Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng, phát triển công nghệ và công cụ, thiết bị tiên tiến, đồng bộ cho sản xuất phân bón, thuốc bảo vệ thực vật và thuốc thú y, thức ăn gia súc.				

		Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao và phát triển công nghệ vi sinh, công nghệ enzym và protein để sản xuất quy mô công nghiệp các chế phẩm sinh học dùng trong bảo vệ cây trồng.			
		Tiếp tục nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và phát triển các kit để chẩn đoán, giám định bệnh cây trồng; Một số loại kit chẩn đoán nhanh bệnh ở thủy sản.			
		Nghiên cứu ứng dụng sinh học phân tử và miễn dịch học, vi sinh vật học trong phòng, trị một số loại dịch bệnh nguy hiểm đối với thủy sản; ứng dụng công nghệ sinh học trong chẩn đoán bệnh vật nuôi ở mức độ phân tử...			
		Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ và sản xuất thử nghiệm các quy trình công nghệ mới có hiệu quả và phù hợp trong sản xuất, bảo quản, chế biến thực phẩm, sản xuất dược liệu và năng lượng sinh học trong nông nghiệp.			
		Nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, sản xuất thử nghiệm và chọn tạo các loại vật tư, máy móc, thiết bị sử dụng trong nông nghiệp.			
2.3.3	Đào tạo nhân lực công nghệ cao	Triển khai Kế hoạch phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp (Theo Kế hoạch kiện toàn, phát triển nguồn nhân lực ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh An Giang năm 2018 tại Quyết định số 847/QĐ-SNN&PTNT ngày 14/12/2017)	2018-2020		Sở NN&PTNT
2.3.4	Ứng dụng nông nghiệp 4.0	Xây dựng Đề án phát triển nông nghiệp 4.0	2018	ĐA/UBND	Các Sở, ngành liên quan

2.3.5	Chính sách ứng dụng công nghệ cao	Xây dựng và triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ chứng nhận và áp dụng các tiêu chuẩn GAP, hữu cơ, sạch, sinh thái... trong sản xuất nông nghiệp	2018	QĐ/UBND		Các Sở, ngành liên quan
2.3.6	Phát huy vai trò của các hội, hiệp hội.	Tiếp tục thực hiện KH phân biện xã hội của các hội, hiệp hội nhằm nâng cao hiệu quả ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất.	2018	KH/LH các hội KHKT	Liên hiệp các Hội KHKT	Các Sở, ngành liên quan
2.4	Tổ chức lại sản xuất					
2.4.1	Phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị ngành hàng - Xây dựng và triển khai các chuỗi sản phẩm địa phương thu hút đầu tư.	Xây dựng và triển khai Chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ lúa gắn với Hợp tác xã kiều mới - Cty CPĐT TM Vương Đình. Xây dựng và triển khai Chuỗi giá trị sản xuất và chế biến lúa gạo Japonica bền vững tinh An Giang - Tập đoàn Sunrice và Vinacam. Xây dựng và triển khai Chuỗi giá trị sản xuất và tiêu thụ lúa gắn với hợp tác xã kiều mới - Cty Angimex Kitoku. Xây dựng và triển khai Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ cây ăn trái - Cty TNHH CBTS Thuận Phong. Xây dựng và triển khai Chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ xoài - Cty TNHH SXTM Chánh Thu và các đối tác liên quan.	2018		Sở NN&PTNT	Sở KH&ĐT, TN&MT, địa phương liên quan
2.4.2	Rà soát, điều chỉnh các quy hoạch phù hợp với thực tế thi trường, lợi thế của tỉnh	Rà soát, điều chỉnh và triển khai thực hiện 08 QH vùng sản xuất UD CNC: lúa; nấm ăn, nấm dược liệu; chăn nuôi; thủy sản; rau, màu; hoa và cây kiểng; cây ăn quả; bảo tồn và phát triển cây dược liệu.	Quý III/2018	BC:QĐ/UBND	Sở NN&PTNT	Sở KH&CN; CT; KH&ĐT; TC; Nội vụ; UBND các huyện thị tp

		Phê duyệt và công bố Quy hoạch hệ thống nghiên cứu, chuyên giao, sản xuất và cung ứng giống cây nông, lâm nghiệp, giống vật nuôi và giống thủy sản trên địa bàn tỉnh An Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030.	Quý II/2018	QĐ/UBND		
2.4.3	Định vị sản phẩm,	Xây dựng Đề án "Mỗi xã một sản phẩm: tinh An Giang (OCOP - AG) GĐ 2018 - 2020 và định hướng 2030. Nghiên cứu, xây dựng quy chuẩn cho sản phẩm đặc thù của tỉnh nhằm quản lý chất lượng nông thủy sản một cách an toàn, nâng cao chất lượng, uy tín làm cơ sở tiền tố xây dựng nhãn hiệu, thương hiệu mang "tên, tuổi" vùng, miền - Đường thốt nốt.	Quý III/2018	QĐ//UBND	Sở NN&PTNT	Sở VHTT&DL; KH&ĐT, KH&CN; UBND các huyện, thị, Tp, doanh nghiệp
2.4.4	Thực hiện Đề án Tái cơ cấu nông nghiệp	Triển khai Kế hoạch phát triển thủy sản bền vững tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020 (Quyết định số 3115/QĐ-UBND, ngày 20/10/2017 của UBND tỉnh). Triển khai Kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng từ lúa sang rau màu và cây ăn trái (Quyết định số 3410/QĐ-UBND, ngày 14/11/2017 của UBND tỉnh). Triển khai Kế hoạch tái cơ cấu ngành hàng lúa gạo bền vững (Quyết định số 3878/QĐ-UBND, ngày 28 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh). Xây dựng và triển khai Kế hoạch phát triển chăn nuôi theo hướng bền vững trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2018-2020, định hướng đến năm 2025.	2018 - 2020		Sở NN&PTNT	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị, tp,
			Quý II/2018	QĐ/UBND		

		Triển khai thực hiện Đề án “Liên kết sản xuất giống cá tra 3 cấp chất lượng cao cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại An Giang (Theo Quyết định số 987/QĐ-BNN-TCTS, ngày 20 tháng 3 năm 2018 Bộ Nông nghiệp và PTNT).	2018			
		Xây dựng và triển khai thực hiện 08 Đề án vùng chuyên canh thuộc các sản phẩm: Nép; Jasmine và Japonica; chuối; xoài; rau màu; heo; cá tra; tôm càng xanh	2018	QĐ/UBND		
		Xây dựng và triển khai thực hiện Đề án sản xuất nông nghiệp theo hướng hữu cơ				
		Triển khai Kế hoạch khuyến nông cho tỉnh An Giang đến năm 2020 phục vụ đề án Tái cơ cấu nông nghiệp	2018			
		Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch cánh đồng lớn lúa, nép tỉnh An Giang giai đoạn 2015-2025 (Quyết định số 945/QĐ-UBND)	2018-2025	QĐ 945/QĐ-UBND	Sở NN&PTNT	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị, tp. doanh nghiệp
2.4.5	Công tác khuyến nông phục vụ nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án Đầu mạnh xã hội hóa, phát triển hoạt động khuyến nông, khuyến ngư phục vụ phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tỉnh An Giang giai đoạn 2015 – 2020 (Quyết định số 110/QĐ-UBND ngành 20/01/2015).	2018-2020	QĐ 110/QĐ-UBND ngành 20/01/2015	Sở NN&PTNT	Các Sở, ban, ngành, huyện, thị, tp.
2.4.6	Phát triển mô hình kinh tế địa phương	Thực hiện Đề án đổi mới HTX, THT nông nghiệp tỉnh An Giang 2017-2020 theo QĐ số 1400/QĐ-UBND, ngày 09/5/2017		Báo cáo	Sở NN&PTNT	Sở KHĐT, CT, KHCN, các huyện, thị xã và thành phố

		Thực hiện Kế hoạch thực hiện Đề án thí điểm hoàn thiện, nhân rộng mô hình hợp tác xã kiêu mới vùng ĐBSCL GD 2016-2020 tỉnh An Giang - Kế hoạch 254/KH-UBND, ngày 11/5/2017.		KH, Đề án/UBND		
2.4.7	Triển khai các dự án có tính chất sự nghiệp	Xây dựng và triển khai các dự án có tính chất sự nghiệp theo phụ lục 3 của Quyết định số 1066/QĐ-UBND, ngày 05/4/2017 của UBND tỉnh.	2018		Sở NN&PTNT	
2.5.	Về Nguồn vốn thực hiện					
2.5.1	Cân đối và bố trí nguồn kinh phí	Thẩm định và tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện các hoạt động, Đề án, Chương trình, Kế hoạch, Dự án, ...vv được phê duyệt theo Kế hoạch năm 2018 thực hiện Chương trình phát triển nông nghiệp giai đoạn 2016-2020				
		Triển khai phân bổ nguồn vốn (nguồn bù thủy lợi phí, bảo vệ đất trồng lúa theo NĐ 35, vốn ODA,...) đảm bảo hỗ trợ cho các chương trình, dự án đầu tư vào phát triển nông nghiệp theo hướng ưu tiên nâng cao năng lực, hệ thống cơ sở nghiên cứu khoa học, công nghệ nhằm tạo ra những đột phá mới về năng suất, chất lượng và hiệu quả kinh tế	2018	VB/UBND	Sở Tài chính	Sở NN&PTNT; KH&ĐT; TC; CT; KH&CN; UBND các huyện, thị, tp và doanh nghiệp; công ty bảo hiểm
2.5.2	Chính sách huy động nguồn lực	Tham mưu huy động và tạo nguồn lực thực hiện các chính sách ưu đãi về đất đai nhằm khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp				

	Kiện toàn bộ máy tổ chức các quỹ phát triển đất, bảo vệ môi trường, quỹ đầu tư phát triển, quỹ hỗ trợ xã hội hóa			
	Tham mưu UBND nguồn ngân sách để đảm bảo quy định thực hiện bảo hiểm nông nghiệp, đồng thời, tranh thủ nguồn của TW để thực hiện bảo hiểm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh			